



BẢN TIN TUẦN IPC

Số 44/21, 25-29/10/2021

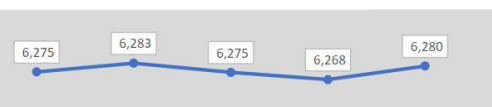
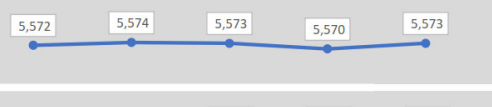
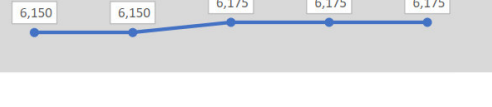
THÔNG TIN NỔI BẬT TRONG TUẦN

01. Thế giới - Thị trường tuần này cho thấy phản ứng trái chiều với Malaysia ghi nhận sự sụt giảm mạnh.
02. Ấn Độ - Giá nội địa và quốc tế của Hồ tiêu Ấn Độ tiếp tục cho thấy chiều hướng tích cực trong tuần này.
03. Indonesia - Giá tiêu nội địa và quốc tế của Indonesia tiếp tục ổn định trong 2 tuần qua.
04. Malaysia - Giá tiêu Malaysia ghi nhận sự sụt giảm ở cả thị trường trong nước và quốc tế.
05. Sri Lanka - Mặc dù đồng Rupee Sri Lanka suy yếu 1% so với USD/tấn (LKR 201,82/USD/tấn) nhưng giá tiêu nội địa Sri Lanka vẫn tăng trong tuần qua.
06. Việt Nam - Giá tiêu đen nội địa cho thấy chiều hướng gia tăng trong tuần này trong khi các mặt hàng còn lại vẫn ổn định.
07. Xuất khẩu Hồ tiêu của Ba Lan (2019-2021).

GIÁ ĐỊA PHƯƠNG TIÊU ĐEN - USD/tấn

Nguồn	Giá hàng ngày (25-29/10)	Giá TB Tuần này - Tuần trước	% Thay đổi
 Ex-Kochi	5,690 5,751 5,878 6,044 -	5,841 - 5,535	6% ↑
 Ex-Lampung	3,702 3,706 3,701 3,697 3,705	3,702 - 3,719	0% ↔
 Ex-Kuching	4,148 3,625 3,623 3,620 3,628	3,729 - 4,139	-10% ↓
 Ex- HCM	3,701 3,723 3,722 3,741 3,743	3,726 - 3,690	1% ↑
 Sri Lanka	4,369 4,347 4,364 4,412 4,372	4,373 - 4,134	6% ↑

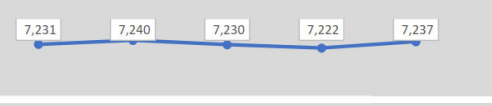
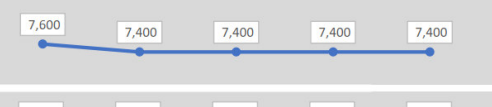
GIÁ ĐỊA PHƯƠNG TIÊU TRẮNG - USD/tấn

Nguồn	Giá hàng ngày (25-29/10)	Giá TB Tuần này - Tuần trước	% Thay đổi
 Ex-Pangkal Pinang		6,276 - 6,304	0% 
 Ex-Kuching		6,157 - 6,340	-3% 
 Ex-HCM		5,572 - 5,568	0% 
 Ex-Hainan		6,165 - 6,150	0% 

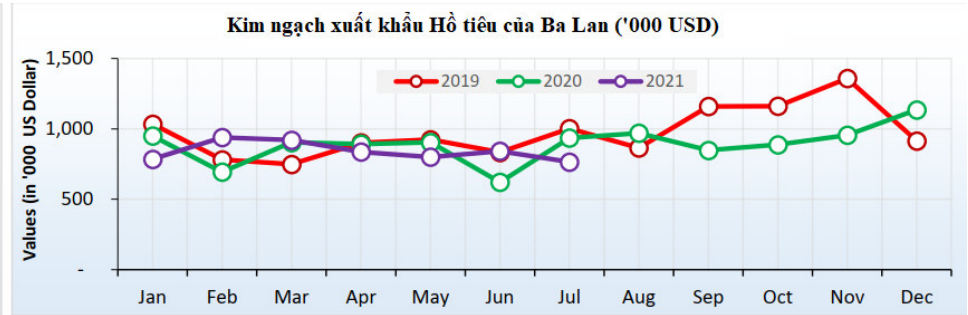
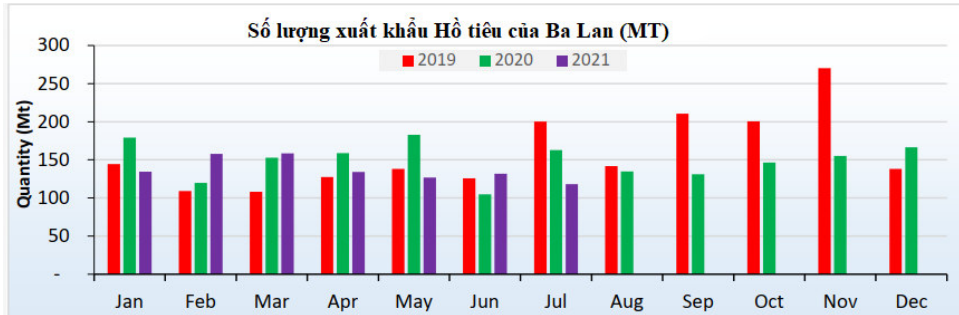
GIÁ FOB TIÊU ĐEN - USD/tấn

Cảng xuất và loại	Giá hàng ngày (25-29/10)	Giá TB Tuần này - Tuần trước	% Thay đổi
 Ex-Kochi ASTA		6,107 - 5,802	5% 
 Lampung ** ASTA		4,393 - 4,412	0% 
 Kuching ASTA		5,240 - 5,972	-8% 
 Ho Chi Minh 500g/l		4,390 - 4,390	0% 
 Ho Chi Minh 550g/l		4,490 - 4,490	0% 

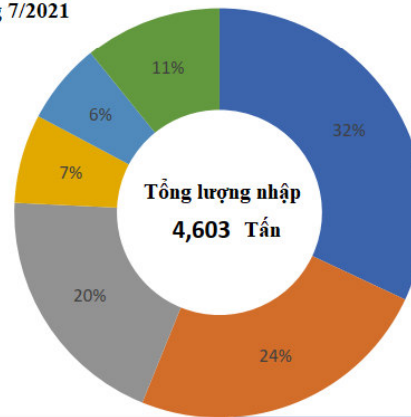
GIÁ FOB TIÊU TRẮNG - USD/tấn

Cảng xuất và loại	Giá hàng ngày (25-29/10)	Giá TB Tuần này - Tuần trước	% Thay đổi
 Pangkal Pinang FAQ		7,232 - 7,264	0% 
 Kuching ASTA		7,440 - 7,863	-5% 
 Ho Chi Minh FAQ		6,390 - 6,390	0% 
 Haikou FAQ		6,365 - 6,350	0% 

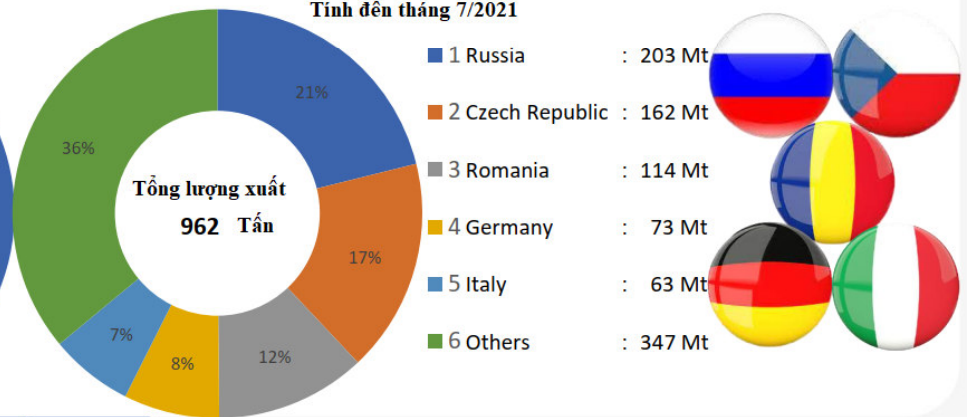
XUẤT KHẨU HỒ TIÊU CỦA BA LAN



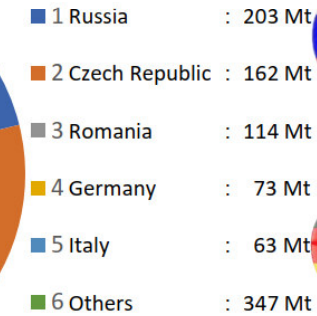
5 Quốc gia là nhà cung cấp Hồ tiêu lớn nhất của Ba Lan
Tính đến tháng 7/2021



5 Quốc gia hàng đầu nhập khẩu Hồ tiêu từ Ba Lan
Tính đến tháng 7/2021



Tổng lượng xuất
962 Tấn



Tỉ lệ Nhập:Xuất=5:1

**Xuất khẩu Hồ tiêu của Ba Lan (2019- 2021)****2019****2020****2021***

Tổng lượng xuất (tấn)

1,915

1,795

962

Tổng trị giá xuất ('000 \$)

\$11,687

\$10,698

\$5,887



Tiêu hạt

44%

54%

49%

Thị phần (%)

Tiêu xay

56%

46%

51%



Chênh lệch (%)

n.a

-6%

-9%



Tiêu hạt

\$5,994

\$5,574

\$6,035

Giá xuất khẩu (USD/tấn)

Tiêu xay

\$6,191

\$6,419

\$6,200

* Tính đến tháng 7/2021

GIÁ MUA TẠI NEW YORK (USD/tấn)

LOẠI	GIÁ CF TƯƠNG LAI	
	TUẦN NÀY	TUẦN TRƯỚC
Malabar black (Garbled 1)	n.a	n.a
Lampung black (ASTA)	n.a	n.a
Sri Lanka black	n.a	n.a
Brazil black (ASTA)	n.a	n.a
Sarawak black (YL)	n.a	n.a
Viet Nam black (ASTA)	n.a	n.a
Muntok white (DW)	n.a	n.a
Muntok white (FAQ)	n.a	n.a
Sulawesi Soroako white	n.a	n.a
Sarawak white (BL)	n.a	n.a
Viet Nam white (DW)	n.a	n.a

Tỷ giá /USD	China (CNY)	India (INR)	Indonesia (IDR)	Malaysia (MYR)	Viet Nam (VND)	Sri Lanka (LKR)
Tuần này	6.39	74.95	14,180	4.15	23,778	201.82
Tuần trước	6.41	74.98	14,118	4.16	23,796	200.55